

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CM
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2022/HS-ST
Ngày 30-8-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CM, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Phẩm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Triệu Đức Đường;
2. Ông Lưu Anh Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Âu Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2022/HSST, ngày 29 tháng 7 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Nông Văn K, sinh năm 1975; Nơi NĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn BR, xã ML huyện CM, tỉnh Bắc Kạn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 5/12; Con ông Nông Phúc T và bà Hoàng Thị R; Có vợ là Đinh Thị B, có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa:** Ông Lý Văn Trung - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Là Người bào chữa cho bị cáo. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Nguyễn Việt – Chủ tịch UBND huyện CM. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Hà Thị Minh Chín – Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Nông Văn B1, sinh năm 1979
2. Triệu Văn B2, sinh năm 1999

Cùng địa chỉ: Thôn BR, xã ML huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, (đều có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đinh Thị B, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn BR, xã ML huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/12/2021, Nông Văn K một mình đi vào khu rừng Pù Trang thuộc lô 11, khoảnh 11, tiểu khu 406, là rừng do gia đình K quản lý, thuộc thôn B R, xã M L dùng cưa xăng cầm tay cưa các cây gỗ là bồ đề, phay, mạn... sau đó cắt thành khúc, mục đích để làm nhà, một phần bán và lấy củ đun. Việc khai thác được K thực hiện từ ngày 18 đến ngày 26/12/2021, sau khi khai thác xong, K thuê Nông Văn B1 và Triệu Văn B2 chuyển các khúc gỗ từ trên rừng xuống chân đồi. Trước khi thực hiện khai thác gỗ, K không bàn bạc và nói với ai, cũng không xin phép cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 28/12/2021, Đội kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục Kiểm lâm Bắc Kạn phát hiện hành vi của Nông Văn K và báo tin cho Hạt kiểm lâm huyện CM biết. Ngày 29/12/2021, Hạt kiểm lâm huyện CM tiến hành kiểm tra khu rừng bị khai thác gỗ thuộc lô 11, khoảnh 11, tiểu khu 406 thuộc thôn BR, xã ML huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Rừng bị khai thác là loại rừng sản xuất tự nhiên, trạng thái rừng hỗn giao tự nhiên núi đất theo bản đồ 3 loại rừng xã ML được phê duyệt tại quyết định số 1794/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn, chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác.

Ngày 09/02/2022, Hạt kiểm lâm huyện CM tiến hành khám nghiệm hiện trường và xác định: Rừng bị khai thác thuộc lô 11, khoảnh 11, tiểu khu 406, có diện tích 1.552m² thuộc thôn BR, xã ML huyện CM, tỉnh Bắc Kạn. Rừng bị khai thác là loại rừng sản xuất tự nhiên, trạng thái là rừng hỗn giao tự nhiên núi đất. Số lượng lâm sản bị chặt hạ là 39 cây gỗ tự nhiên thông thường (từ nhóm V đến nhóm VIII), có tổng khối lượng là 12,373m³ trong đó có 139 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng là 10,815m³ và 92 khúc gỗ là củi có tổng khối lượng là 1,558m³.

Ngày 29/12/2021, cơ quan Kiểm lâm đã tạm giữ tang vật vi phạm là 01 cưa xăng cầm tay nhãn hiệu STIHL MS180 màu cam, đã cũ của bị can Nông Văn K.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số: 21/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CM kết luận: 139 khúc gỗ tròn có tổng khối lượng 10,815m³ có giá trị là 7.570.500đ; 92 khúc gỗ tròn là củi có tổng khối lượng 1,558m³ có giá trị là 311.600đ. Tổng giá trị là 7.882.100đ.

Quá trình điều tra Nông Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về thời gian, địa điểm, mục đích và hình thức khai thác gỗ.

Tại phiên tòa, bị cáo và nguyên đơn dân sự không có ý kiến về khối lượng gỗ đã bị chặt hạ và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CM về giá trị của khối lượng gỗ.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đinh Thị B trình bày: Trước và trong khoảng thời gian Nông Văn K khai thác gỗ, K không bàn bạc với ai mà một mình tự dùng cửa lốc vào rừng khai thác gỗ, vì vậy bà B không biết việc bị cáo khai thác gỗ trái phép. Cửa lốc bị tạm giữ là tài sản chung của gia đình, tuy nhiên bị cáo đã dùng chiếc cửa này để khai thác gỗ trái phép, nay bà B không yêu cầu được lấy lại, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người làm chứng Nông Văn B1 và Triệu Văn B2 trình bày:

Trong khoảng thời gian cuối tháng 12/2021 (không nhớ ngày), B1 và B2 được K thuê đến khu rừng thuộc lô 11, khoảnh 11, tiểu khu 406, thuộc thôn BR, xã ML huyện CM, tỉnh Bắc Kạn để vận chuyển gỗ đã được K cắt thành khúc từ trên rừng xuống đường đất ở chân đồi. K thuê với số tiền là 250.000đồng/người/ngày. B1 và B2 làm trong thời gian 1,5 ngày, đến nay chưa được K trả tiền công. B1 và B2 không biết K khai thác gỗ khi K không có giấy phép khai thác của cơ quan có thẩm quyền.

Nguyên đơn dân sự trình bày: Hành vi khai thác gỗ trái phép của Nông Văn K đã được điều tra, truy tố, xét xử theo quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn dân sự nhất trí với số tiền 1.500.000đ mà bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM để bồi thường cho UBND huyện CM, ngoài ra không yêu cầu gì thêm đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố tại bản cáo trạng số: 32/CT - VKSCM ngày 27/7/2022 truy tố bị cáo về tội: "*Vi phạm quy định về khai thác, B2 vệ rừng và lâm sản*" theo điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự và tại bản luận tội của Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cụ thể như sau:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Nông Văn K phạm tội "*Vi phạm quy định về khai thác, B2 vệ rừng và lâm sản*".

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nông Văn K từ 09 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn dân sự số tiền 1.500.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47/BLHS và Điều 106/BLTTHS: Tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 01 cửa máy cầm tay màu cam đã cũ.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về án phí: Áp dụng điều 135; 136/BLTTHS; Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Việc khởi tố, truy tố và xét xử đối với bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả một phần thiệt hại, Nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bố đẻ bị cáo là người có công; Nguyên nhân phạm tội của bị cáo do sinh sống ở khu vực điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65/BLHS, cân nhắc xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất, nhưng cho hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đã đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo nói lời sau cùng có ý kiến: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo, được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 18 đến ngày 26/12/2021, tại khu rừng Pù Trang một mình Nông Văn K đến khu rừng thuộc lô 11, khoảnh 11, tiểu khu 406 thôn BR, xã ML huyện CM, tỉnh Bắc Kạn, là loại rừng sản xuất tự nhiên, trạng thái là rừng hỗn giao tự nhiên núi đất. (là khu rừng do gia đình K là chủ quản lý), K đã có hành vi dùng cưa máy cầm tay khai thác cây gỗ rừng là bồ đề, phay, mạn..., sau đó cắt thành khúc mục đích để làm nhà và bán. Việc khai thác gỗ K không bàn với ai, trước khi khai thác gỗ không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác. Số lượng lâm sản bị K khai thác trái phép gồm 39 cây gỗ tự nhiên thông thường (từ nhóm V đến nhóm VIII) có tổng khối lượng là 12,373m³. Tổng giá trị gỗ bị cáo khai thác trái phép là 7.882.100 đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được, có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị cáo Nông Văn K phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ 10 mét khối (m³) đến dưới 20 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường...”

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý và bảo vệ rừng và lâm sản của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình, bị cáo đã được nghe các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến pháp luật về quản lý, bảo vệ rừng và lâm sản, biết hành vi khai thác gỗ trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích để sử dụng làm nhà, và bán lấy tiền trang trải cuộc sống. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần này thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trước khi xét xử, bị cáo tự nguyện nộp số tiền 1.500.000đ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện CM để bồi thường cho nguyên đơn dân sự. Ngoài ra bố đẻ bị cáo là người có công, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và Huân chương chiến sĩ vẻ vang, vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ hành vi, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức pháp luật còn hạn chế, xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội, cần có mức án phù hợp, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tại khoản 4 Điều 232 Bộ luật Hình sự quy định ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo của địa phương, vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng vụ án:

- Đối với số lượng gỗ là 139 khúc gỗ tròn tự nhiên thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng là 10,815 m³ và 92 khúc gỗ tròn tự nhiên thông thường từ nhóm V đến nhóm VIII có khối lượng là 1, 858 m³, ngày 25/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CM đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 10/QĐ-CSĐT trả lại số vật chứng trên cho UBND huyện CM, tỉnh Bắc Kạn để xử lý theo thẩm quyền xét thấy là phù hợp.

- Đối với 01 cưa máy cầm tay nhãn hiệu STIHL MS180 là công cụ phạm tội, xét thấy cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 30/8/2022, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 1.500.000đ để bồi thường. Nguyên đơn dân sự chấp nhận số tiền trên, ngoài ra

không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Hội đồng xét xử xét thấy sự tự nguyện nộp tiền bồi thường của bị cáo và sự thỏa thuận giữa nguyên đơn dân sự và bị cáo không vi phạm đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, xét thấy cần được ghi nhận, cần tạm giữ số tiền 1.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0001835 ngày 30/8/2022 để chuyển nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Trong vụ án này có Nông Văn B1 và Triệu Văn B2 được K thuê vận chuyển gỗ, tuy nhiên do B1 và B2 không biết gỗ do K khai thác là trái phép, do vậy hành vi của B1 và B2 không cấu thành tội phạm và không xem xét xử lý trong vụ án này xét thấy là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, gia đình thuộc hộ cận nghèo của địa phương, bị cáo có đơn xin miễn án phí, do vậy xét thấy cần miễn án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn K phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nông Văn K 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nông Văn K cho UBND xã ML, huyện CM, tỉnh Bắc Kạn nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; 585; 586; 589 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo bồi thường cho Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Bắc Kạn số tiền là 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Tạm giữ số tiền 1.500.000đ theo biên lai thu tiền số 0001835 ngày 30/8/2022 của Chi cục Thi hành án huyện CM, tỉnh Bắc Kạn để chuyển nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106/Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 cưa máy cầm tay (cưa lốc) nhãn hiệu STIHL MS180.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận ngày 05 tháng 8 năm 2022 giữa Công an huyện CM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM).

4. Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện CM;
- Công an huyện CM;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lường Thị Phẩm